

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2023

V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Nghi, Bà Phạm Thị Bông.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Diệu M**, sinh năm 1993.

HKTT: Xóm 5, thôn D, xã C, huyện N, tỉnh H.

Chỗ ở: thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Y.

Chị M có mặt.

- Bị đơn: Anh **Vũ Ngọc T**, sinh năm 1987.

HKTT: Xóm 5, thôn D, xã C, huyện N, tỉnh H.

Anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thị Diệu M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh H ngày 11-10-2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình chồng ở thôn D, xã C, huyện N, tỉnh H. Chị làm công ty, anh T làm tự do. Trong 07 năm chung sống, thời gian chị mang thai và sinh nở anh không quan tâm. Sau khi sinh cháu Vũ Ngọc Bảo L, thời gian đầu mẹ chồng chị hỗ trợ chăm sóc cho chị đi làm. Đến khi mẹ chồng mất, chị vừa phải đi làm vừa chăm con và thuê người trông con, anh T không hỗ trợ cho chị. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh T có lần gọi điện nói với bố chị là: "Con trả con gái cho bố mẹ, bố mẹ về mà đón", còn một lần nữa vợ chồng cãi nhau, anh T mang bình ga to lên phòng dọa đốt. Các công ty chị đi làm, anh đều đến nhà gặp vợ của đồng nghiệp nam nói là chị cặp bồ với chồng người ta. Do

chán nản, áp lực nên trong thời gian 04 năm đầu chung sống, chị bỏ về nhà mẹ đẻ 01 lần, anh T đến tìm và được gia đình hòa giải thì chị về tiếp tục đi làm nuôi con. Sau đó anh T vay mượn tiền người ta làm gì chị không biết, gia đình bị đổ vỡ kinh tế, vợ chồng không chia sẻ với nhau. Chị không thể cố gắng được nữa nên đã bỏ đi và sống ly thân anh T từ tháng 9/2018 đến nay. Chị **xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T.**

Về con chung: **Chị và anh T có một con chung là** Vũ Ngọc Bảo L, sinh ngày 22/7/2012. Hiện nay con đang ở cùng với anh T. Từ lúc chị sinh con đến khi chị bỏ đi hẳn, vì hoàn cảnh khó khăn chị phải để lại con cho anh T chăm sóc. Chị được biết nguyện vọng của con xin được tiếp tục ở với bố, đồng thời ý kiến của anh T sẽ nuôi con và không cần chị cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý. Vì hiện nay hoàn cảnh của chị còn nhiều khó khăn, mẹ đẻ chị đã mất, bố chị ở xa, chị làm việc tự do, một mình tự lo liệu không có ai hỗ trợ.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc với Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn anh Vũ Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và thời gian kết hôn đúng như **chị M** trình bày. Vợ chồng chung sống vui vẻ được khoảng 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị M thường xuyên đi hôm về khuya không báo cáo, lơ lửng giờ giấc làm việc, anh nói thì chị M không nghe, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị M thường tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, anh đến tìm thì chị M lại về. Đến ngày 06/10/2018, chị M có hành động làm kiểu tóc và nhuộm màu tóc khác lạ, anh góp ý nhưng chị M không nghe, nhân lúc anh đi làm chị M đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, anh đến tìm chị M không về nữa. Từ đó đến nay, chị M bỏ bẵng không quan tâm đến gia đình con cái. Hiện nay anh không biết chị M làm gì, ở đâu, vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm nhau từ đó đến nay. Từ khi chị M bỏ nhà đi, con cái hoàn toàn do anh nuôi dưỡng, chị M không quan tâm gì. Thời gian gần đây chị M giải quyết ly hôn thì mới về thăm con. Vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn. Khi nói chuyện anh cũng bảo chị M về, nhưng hai bên chỉ nói được vài ba câu là sinh sự cãi nhau. Nay chị M xin ly hôn, anh không đồng ý. Vì anh muốn cho con có đủ bố đủ mẹ, cả hai cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung đúng như chị M trình bày. Anh không đồng ý ly hôn vì muốn cho con có đủ bố đủ mẹ. Nếu chị M kiên quyết không về đoàn tụ thì anh vẫn nuôi con từ trước đến nay, anh cho rằng chị M không có tư cách để nuôi con. Anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con cho anh, vì kể từ khi chị M bỏ đi anh vẫn đảm bảo tốt việc nuôi con. Anh cam kết đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con chung. Anh yêu cầu chị M không được gặp và không được tiếp cận con trai đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa. Từ khi chị nộp đơn xin ly hôn đến nay, mâu thuẫn giữa chị và anh T vẫn căng thẳng. Trường hợp Tòa án không giải quyết ly hôn cho chị thì chị

cũng không bao giờ về đoàn tụ chung sống với anh T. Chị M giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên. Anh xác định không đồng ý ly hôn chị M là muốn chị M về trông nom, chăm sóc con cái. Anh đề nghị Tòa án tiếp tục tiến hành hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ cùng nuôi con. Nếu chị M có về thì vợ chồng vẫn ở cùng nhà nhưng anh sẽ tiếp tục sống ly thân chị M vì anh không chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Đặng Thị Diệu M được ly hôn anh Vũ Ngọc T; Về con chung: Giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc Bảo L, sinh ngày 22/7/2012 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Diệu M và anh Vũ Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh H ngày 11-10-2011, **nên quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh T là hợp pháp.**

Căn cứ lời khai của chị M, anh T và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, to tiếng nặng lời xúc phạm nhau. Vợ chồng không quan tâm, không lắng nghe tâm tư suy nghĩ của nhau, không chia sẻ với nhau những gánh nặng và khó khăn trong cuộc sống, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Chị M từng bỏ về nhà mẹ đẻ rồi lại về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn xảy ra căng thẳng không có biện pháp khắc phục. Anh chị đã chính thức sống ly thân nhau từ khoảng tháng 9/2018 đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không liên lạc, không gặp gỡ nhau. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn, nhưng anh không thuyết phục được chị M đồng ý về đoàn tụ, vợ chồng đã sống ly thân nhau một thời gian dài mà không có biện pháp hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng không thành. Điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều **51, 56** Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị M, anh T có một con chung là Vũ Ngọc Bảo L, sinh ngày 22/7/2012. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, con vẫn ở cùng với anh T. Cháu L có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với bố. Ý kiến anh T sẽ tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung, chị M nhất trí. Xét điều kiện nuôi con của anh T thì thấy: anh T làm công việc tự do, tư vấn thiết kế quảng cáo cho công sở, trường học, thu nhập khoảng 15-20 triệu đồng một tháng, anh và cháu L hiện có nơi ở ổn định. Nhà trường nơi cháu L học tập xác nhận cháu L phát triển tốt, anh T quan tâm đến con và đảm bảo đầy đủ các điều kiện học tập của nhà trường. Do đó, HĐXX giao cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Ngọc Bảo L, sinh ngày 22/7/2012 đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về ý kiến của anh T yêu cầu chị M không được gặp và tiếp cận con: Căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó"*. Hiện chị M không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên nên yêu cầu này của anh T không không được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị M, anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đặng Thị Diệu M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; **khoản 4 Điều 147** Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Thị Diệu M được ly hôn anh Vũ Ngọc T.

2. *Về con chung:* Giao con chung Vũ Ngọc Bảo L, sinh ngày 22/7/2012 cho anh Vũ Ngọc T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đặng Thị Diệu M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Đặng Thị Diệu M phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0000808 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh H. Chị Đặng Thị Diệu M đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Chi cục THA dân sự huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện N, tỉnh H.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn